

Số: 06/2024/QĐST-HNGĐ

Quảng Nam, ngày 06 tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
**V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

*Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Liên.*

*Thư ký phiên họp: Ông Đỗ Văn Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên họp: ông Nguyễn Quang Minh - Chức vụ: Kiểm sát viên.*

Ngày 06 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam mở phiên họp sơ thẩm công khai để giải quyết việc dân sự thụ lý số: 04/2024/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 3 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự sơ thẩm số: 06/2024/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 4 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

**1. Ông Hardy David M**, sinh năm 1981; Quốc tịch: Hoa Kỳ;

Hộ chiếu số: 677494909, do Hoa Kỳ cấp ngày 30/12/2021.

Địa chỉ tạm trú: C3.3 Khu M, khu phố F, phường T, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Bà Trương Thị Băng S**, sinh năm 1992; Quốc tịch: Việt Nam;

Căn cước công dân số: 066192011296, do Cục Q về trật tự xã hội cấp ngày 10/02/2022.

Hộ khẩu thường trú, chỗ ở hiện nay: Tổ E, thôn P, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

*(ông Hardy David M và bà Trương Thị Băng S đều vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)*

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

*Theo đơn yêu cầu và các văn bản có trong hồ sơ, người yêu cầu ông Hardy David M và bà Trương Thị Băng S trình bày:*

*- Về quan hệ hôn nhân: ông Hardy David M và bà Trương Thị Băng S quen nhau, tìm hiểu nhau, rồi tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân quận*

N, thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 09/2020 ngày 22/7/2020.

Sau khi kết hôn, ông Hardy David M và bà Trương Thị Băng S không thường xuyên ở gần nhau, hiện tại ông Hardy David M đang sinh sống và làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh, còn bà Trương Thị Băng S vẫn ở lại tổ E, thôn P, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, nên sự quan tâm dành cho nhau không có, tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông Hardy David M và bà Trương Thị Băng S làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: ông Hardy David M và bà Trương Thị Băng S xác nhận không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Về tài sản chung và nợ chung*: ông Hardy David M và bà Trương Thị Băng S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến*: từ khi thụ lý đến khi mở phiên họp, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và người yêu cầu giải quyết việc dân sự chấp hành đúng quy định tại các Điều 365, 366 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết việc dân sự: căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Hardy David M và bà Trương Thị Băng S.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Ông Hardy David M và bà Trương Thị Băng S cùng làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Khi thụ lý việc dân sự, ông Hardy David M mang quốc tịch Hoa Kỳ và đang tạm trú tại thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Tại phiên họp, ông Hardy David M và bà Trương Thị Băng S đều vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc hôn nhân và gia đình vắng mặt ông Hardy David M và bà Trương Thị Băng S theo thủ tục chung.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: ông Hardy David M và bà Trương Thị Băng S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 09/2020 ngày 22/7/2020, hôn nhân của ông, bà là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng. Nay ông Hardy David M và bà Trương Thị Băng S thỏa thuận, thống nhất và cùng làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy ông Hardy David M và bà Trương Thị Băng S không còn sống chung, tình cảm vợ chồng trên thực tế không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc thỏa thuận ông Hardy David M và bà Trương Thị Băng S là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận.

[2.2] *Về con chung*: ông Hardy David M và bà Trương Thị Băng S xác nhận không có con chung, không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: ông Hardy David M và bà Trương Thị Băng S không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

**[3] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự**: bà Trương Thị Băng S tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 149, khoản 2 Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu của ông Hardy David M và bà Trương Thị Băng S về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Hardy David M và bà Trương Thị Băng S.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Trương Thị Băng S phải nộp 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí bà Trương Thị Băng S đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000083 ngày 21/3/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- CTHADS tỉnh Quảng Nam;
- UBND quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng;
- UBND xã Tam Phú, thành phố Tam Kỳ;
- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Nguyễn Thị Liên**